



CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG TRONG THỜI HẠN 24H

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước

- Sở giao dịch chứng khoán Hà nội

Công ty: Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị (mã CK: PCG)

Trụ sở chính: Tầng 4 – Số 167 – Trung Kính – Cầu Giấy – Hà nội

Điện thoại: 04.37346848 Fax: 04.37346838

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Huệ

Điện thoại (di động, cơ quan): 0913001567 – 04.37346858 (4308);

Fax: 04.37346838

Nội dung thông tin công bố:

Ngày 27/3/2017, Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị ban hành nghị quyết số 02/KĐT – NQHĐQT của Hội đồng quản trị thông qua các nội dung sau để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 thông qua theo thẩm quyền:

1. Báo cáo tài chính năm 2016 đã được kiểm toán;
2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2016;
3. Quyết toán thù lao HĐQT và BKS năm 2016 và kế hoạch chi trả năm 2017;
4. Sửa đổi Điều lệ công ty
5. Một số nội dung khác.

Chi tiết cụ thể như Nghị quyết đính kèm

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BGD (để b/cáo);
- Lưu VT.

Người được ủy quyền CBTT

TP. Tổ chức Hành chính



Nguyễn Thị Huệ



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/KĐT-NQHĐQT

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2017

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ**

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Gas Đô thị;
- Căn cứ Quy chế làm việc của HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Gas Đô thị;
- Căn cứ biên bản họp số 02/KĐT- BBHQDT ngày 27/3/2017 của HĐQT Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Về kế hoạch 2017: Giao cho Ban Giám đốc Công ty điều chỉnh lại KHKD năm 2017, đảm bảo năm 2017 không lỗ. Ủy quyền cho Giám đốc trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 để thông qua, phê duyệt KHKD năm 2017

Điều 2. Đồng ý với báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016 như đề nghị của Giám đốc Công ty tại tờ trình số 24/TTr-KĐT- HĐQT ngày 10/3/2017, trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 thông qua theo thẩm quyền

Điều 3. Đồng ý với việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như đề nghị của Giám đốc Công ty tại tờ trình số 25/TTr-KĐT-HĐQT ngày 10/3/2017, trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 thông qua theo thẩm quyền

Điều 4. Đồng ý với báo cáo quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2016 và KH chi trả năm 2017 như đề nghị của Giám đốc Công ty tại tờ trình số 27/TTr-KĐT-HĐQT ngày 10/3/2017, trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 thông qua theo thẩm quyền

Điều 5. Đồng ý với Quy chế bầu cử Thành viên HĐQT + BKS nhiệm kỳ 2017-2022 như đề nghị của Giám đốc Công ty tại tờ trình số 26/TTr-KĐT-HĐQT ngày 10/3/2017, trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 thông qua theo thẩm quyền. Giao Giám đốc Công ty thực hiện các thủ tục, công việc liên quan để tổ chức bầu/bổ nhiệm thành viên HĐQT, BKS theo quy định của Công ty và pháp luật

Điều 6. Đối với việc bổ sung ngành nghề kinh doanh: Yêu cầu Ban Giám đốc Công ty:

- o Thực hiện việc điều tra thị trường về lĩnh vực kinh doanh nhiệt, điện, lạnh trong các khu công nghiệp Việt Nam
- o Xem xét, đánh giá tính khả thi và cơ hội kinh doanh lĩnh vực kinh doanh nhiệt, điện, lạnh;



- o Tổ chức cho CBNV đi học tập kinh nghiệm, điều tra thị trường trong lĩnh vực nhiệt, điện, lạnh trong các khu Công nghiệp của Trung Quốc, để có kinh nghiệm thực hiện, triển khai;

Trên cơ sở kết quả thực hiện các nội dung trên, Giao Ban Giám đốc Công ty xem xét quyết định việc trình ĐHCĐ thông qua việc bổ sung các ngành nghề kinh doanh.

Điều 7. Sửa đổi Điều lệ Công ty như đề nghị của Giám đốc Công ty tại tờ trình số 29/TTr-KĐT-HĐQT ngày 10/3/2017, trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 thông qua theo thẩm quyền.

Điều 8. Đối với quy định chi lương bổ sung khuyến khích phạt đối với công tác phát triển dự án, cho CBNV. Yêu cầu Ban Giám đốc Công ty sửa ty sửa đổi mục 5 phần B của dự thảo quy định về việc thưởng đối với hợp đồng MOU, hợp tác đầu tư với chủ đầu tư khu công nghiệp. HĐQT đồng ý mức thưởng đã nêu tại quy định mục 5 phần B, tuy nhiên việc đánh giá hợp đồng và thời điểm chi thưởng cần phải chờ đến khi Công ty ký được hợp đồng cụ thể với khu công nghiệp đó, và đánh giá nếu có hiệu quả thì Công ty tiến hành chi thưởng.

Điều 9. Đối với công nợ: 5/5 ý kiến đồng ý với đề nghị của Giám đốc Công ty về biện pháp xử lý các khách hàng có nợ xấu, khó đòi và tồn tại khi triển khai như đề nghị của Giám đốc Công ty tại báo cáo công nợ đính kèm. Yêu cầu Giám đốc Công ty rà soát, phân loại các KH có nợ xấu khó đòi, báo cáo HĐQT phương án xử lý nếu không có khả năng thu hồi.

Điều 10. Đối với công tác nhân sự: Công ty cần rà soát, có phương án sử dụng nhân sự phù hợp với KHKD năm 2017 đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực của Công ty, báo cáo HĐQT.

Điều 11. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thành viên HĐQT, Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng, đơn vị và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như điều 11;
- TVHĐQT, BKS;
- Phòng TCHC ;
- Lưu VT,H.03.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Văn Tuấn Anh

Báo cáo chi tiết từng khách hàng có nợ xấu, nợ khó đòi, đề xuất HĐQT phê duyệt phương án xử lý tiếp theo
(Đính kèm Nghị quyết HĐQT số 02/KDT-NQHĐQT ngày 27/3/2017)

| STT | Tên | Số dư tại 31/12/2016 (trđ) | Số dư tại 20/03/2017 (trđ) | Đã trích lập 20/03/2017 (trđ) | Tỷ lệ trích lập 20/03/2017 | Hiện trạng | Đề nghị HĐQT phê duyệt |
|----------|--|----------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------|--|---|
| | Tổng | 23,679.29 | 20,257.76 | | | | 3,421.53 |
| I | Có khả năng thu hồi nhưng chậm | 18,663.19 | 15,241.67 | | | | |
| 1 | BAN QLDA THÁI HÀ | 3,252.57 | 3,252.57 | 1,975.75 | 60.74% | Đã nộp đơn khởi kiện Tòa án nhân dân quận Đống Đa đã thụ lý hồ sơ | Tiếp tục theo Tòa án để giải quyết |
| 2 | Vinaconex Xuân Mai | 2,883.39 | 2,650.00 | 1,855.00 | 70.00% | Đã có BB làm việc với CĐT ngày 09/03/2016: TT ít nhất 300 trđ/tháng và không muộn hơn T6/2016 TT đến 85%, 15% TT khi cấp gas Mr Tuynh, Mr Hung vẫn bám CDDT để đòi tiền tuy nhiên CĐT không thực hiện đúng cam kết Tháng 1/2017 thực hiện đúng cam kết | Tiếp tục đôn đốc khách hàng để thu hồi công nợ |
| 3 | Sông Đà Thăng Long (DA Usilk) | 6,212.53 | 4,007.06 | 1,818.37 | 45.38% | Đã quyết toán xong, đã bù trừ công nợ bằng 02 căn hộ | Giám đốc được quyền quyết định giá mua căn hộ để bù trừ nốt công nợ còn lại nếu không thu được tiền mặt |
| 4 | Điện Quang | 2,900.00 | 2,083.36 | | | Không còn cấp hàng Ngày 20/12/2016, Điện Quang làm CV cam kết KH trả nợ: T3-T9: mỗi tháng 300tr Đang thực hiện đúng cam kết | Tiếp tục đôn đốc khách hàng để thu hồi công nợ |
| 5 | Việt Hải | 3,332.83 | 3,197.18 | | | Từ 1/4/2016, mỗi tháng khách hàng trả cho số nợ cũ ít nhất 20tr/tháng Mua Gas bình của VH để thu thêm nợ cũ Đang thực hiện đúng cam kết | Tiếp tục đôn đốc khách hàng để thu hồi công nợ |
| 6 | Công ty cổ phần đầu bếp Hoàng Gia (FOOD COURT) | 32.38 | 30.38 | | | Cam kết trả 1tr/tháng từ T12.2016 Đang thực hiện | Tiếp tục đôn đốc khách hàng để thu hồi công nợ |

| | | | | | | | |
|-------------------------------------|---|-----------------|-----------------|--------|--------|--|---|
| 7 | Khách lẻ Cà Mau | 49.50 | 21.12 | 6.34 | 30% | Trừ vào lương hàng tháng nhân viên vận hành Thái Bá Tuấn | Trừ vào lương cho đến khi hết công nợ |
| II Không có khả năng thu hồi | | 5,016.10 | 5,016.10 | | | | |
| 1 | CTCP SÔNG ĐÀ - NHA TRANG (DA Bãi Dương) | 1,320.30 | 1,320.30 | | | - Đã xuất hóa đơn giá trị VTTB tập kết về chân công trình: 2.3 tỷ - CĐT đã TU 1 tỷ - CĐT không TT vì chưa xác nhận KLHT và sẽ ko sử HT cấp gas nữa. CĐT đề nghị QT bằng giá trị TU và sẽ viết HD điều chỉnh giảm doanh thu bằng đúng giá trị còn phải thu | Giao GD làm việc với CĐT và toàn quyền quyết định các vấn đề liên quan để giải quyết dứt điểm mọi công việc liên quan đến DA này theo hướng có lợi nhất cho công ty, kể cả việc xuất hóa đơn điều chỉnh giảm doanh thu cho giá trị còn phải thu |
| 2 | CTCP xây lắp dầu khí HN (DA Bếp ăn Viện Dầu Khí) | 43.90 | 43.90 | 30.73 | 70.00% | Quyết toán từ T9/2014, có BBDCCN đến 31/03/2015, đã liên hệ với CĐT nhiều lần nhưng không được | Tiếp tục tìm kiếm và thuê công ty thu hồi nợ. |
| 3 | Năng Lượng Hà Nội | 819.10 | 819.10 | 819.10 | 100% | Đã ngừng hoạt động từ 27/1/2014 và chưa hoàn thành thủ tục đóng MST Đã làm việc với Công ty thu hồi nợ nhưng họ từ chối nhận | |
| 4 | Nhật Tiến | 70.10 | 70.10 | 49.92 | 70% | Trong Q3 không thực hiện cam kết Mr Hải đã nhiều lần đến gặp nhưng không gặp được Đã làm việc với Công ty thu hồi nợ nhưng họ từ chối nhận | |
| 5 | Công ty cổ phần C-One | 10.90 | 10.90 | | | Không lên lạc được/giải thể | |
| 6 | Công ty CP Food to go | 19.60 | 19.60 | 13.72 | 70% | | |
| 7 | Công ty TNHH Hoa Diệu Sơn | 46.05 | 46.05 | 32.24 | 70% | | |
| 8 | Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Nature Republic Việt Nam | 18.90 | 18.90 | 18.90 | 100% | | |
| 9 | Công ty cổ phần nhà hàng Quốc tế | 85.70 | 85.70 | 59.99 | 70% | | |
| 10 | Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Thùy Linh | 10.57 | 10.57 | 3.17 | 30% | | |
| 11 | Công ty TNHH Dịch vụ Tín Phát | 12.22 | 12.22 | 12.22 | 100% | | |
| 12 | Công ty TNHH SX, XNK, DV và Đầu tư Việt Thái | 102.58 | 102.58 | 71.81 | 70% | | |

| | | | | | | |
|----|---|----------|----------|----------|------|--|
| 13 | Công ty TNHH DV khí đốt Nam Việt | 2,390.14 | 2,390.14 | 2,390.14 | 100% | Đã có QĐ của tòa án buộc Cty Nam Việt phải trả tiền cho Gascity. Nam Việt không thực hiện. Hiện vụ việc đã được đưa ra giải quyết tại Chi cục thi hành án quận Gò Vấp. |
| 14 | Cty TNHH Phúc Vương | 20.00 | 20.00 | 14.00 | 70% | Không liên lạc được với khách hàng |
| 15 | Cty TNHH KHL Phúc Long | 44.49 | 44.49 | 31.14 | 70% | Không liên lạc được với khách hàng |
| 16 | CN Cty CP Kichoo - Nhà hàng Shabu Kichoo Q7 | 1.54 | 1.54 | 0.46 | 30% | Khách hàng không trả tiền |





Số: 24.../ TT-HDQT-KĐT

Hà nội, ngày 10 tháng 3 năm 2017

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016

Kính gửi: Hội đồng quản trị

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam đã phát hành Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm)

Một số chỉ tiêu chính trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán:

| | |
|-----------------------|----------------------|
| - Tổng tài sản: | 242.054.867.312 đồng |
| - Nợ phải trả: | 33.722.173.700 đồng |
| - Vốn chủ sở hữu: | 208.332.693.612 đồng |
| - Tổng doanh thu: | 484.058.122.830 đồng |
| - Lợi nhuận sau thuế: | 158.370.759 đồng |

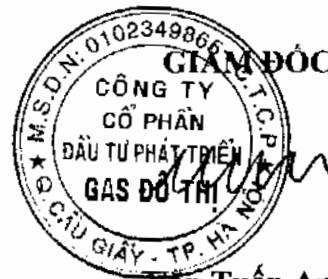
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam đã xác nhận “Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam”;

Kính đề nghị Hội đồng quản trị thông qua đề trình ĐHCĐ TN thông qua theo thẩm quyền

Trân trọng

Nơi nhận:

- Như trên;
- HDQT; BKS;
- Lưu VT, TCKT. ĐTH.03



Văn Tuấn Anh

Deloitte.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
GAS ĐÔ THỊ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016**



MỤC LỤC

| NỘI DUNG | TRANG |
|--------------------------------------|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 2 - 3 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 4 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 5 - 6 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 7 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 8 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 9 - 26 |



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|-------------------------|--|
| Ông Văn Tuấn Anh | Chủ tịch |
| Ông Cheung Yipsang | Phó Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Chí Dũng | Ủy viên (bổ nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2016) |
| Ông Nguyễn Quyết Thắng | Ủy viên (bổ nhiệm ngày 13 tháng 01 năm 2017) |
| Ông Gao Zhixin | Ủy viên (bổ nhiệm ngày 13 tháng 01 năm 2017) |
| Ông Nguyễn Đức Dân | Ủy viên (miễn nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2016) |
| Ông Nguyễn Thành Đôn | Ủy viên (miễn nhiệm ngày 13 tháng 01 năm 2017) |
| Ông Liu Yongxin Michael | Ủy viên (miễn nhiệm ngày 13 tháng 01 năm 2017) |

Ban Giám đốc

| | |
|-----------------------|---|
| Ông Văn Tuấn Anh | Giám đốc (bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2016) |
| Ông Nguyễn Thành Đôn | Giám đốc (miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2016) |
| Ông Bùi Xuân Năng | Phó Giám đốc |
| Ông Phạm Văn Tuyền | Phó Giám đốc |
| Ông Nguyễn Nhật Dương | Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 13 tháng 01 năm 2017) |
| Ông Chen Zhibin | Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 13 tháng 01 năm 2017) |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



167 TRUNG KÍNH, TP. HÀ NỘI, CHXHCN VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ
Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam,
167 Trung Kính, TP. Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hàng Anh
Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2017

UN
DU

UN
DU

Số: 481 /NN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dầu tư Phát triển Gas Đô thị

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dầu tư Phát triển Gas Đô thị (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2017, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến báo cáo tài chính.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 02 năm 2017
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Vũ Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2737-2013-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và các công ty thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited thay Deloitte và các công ty thành viên cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | Số cuối năm | Số đầu năm |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 204.021.753.011 | 124.038.519.730 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5 | 49.277.750.246 | 99.463.918.126 |
| 1. Tiền | 111 | | 8.887.750.246 | 11.883.918.126 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 40.390.000.000 | 87.580.000.000 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 6 | 85.847.889.002 | 90.846.488.596 |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | 85.847.889.002 | 90.846.488.596 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 53.982.847.676 | 117.983.167.167 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 7 | 50.520.169.562 | 113.964.167.380 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 342.021.807 | 700.701.303 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 8 | 5.131.973.794 | 3.319.167.721 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 9 | (2.023.415.150) | (869.237) |
| 5. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | 12.097.663 | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 10 | 14.081.551.178 | 15.454.218.979 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 14.081.551.178 | 15.454.218.979 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 831.714.909 | 290.726.862 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 11 | 775.172.581 | 290.726.862 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 45.818.720 | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 15 | 10.723.608 | - |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 38.033.114.301 | 29.495.255.605 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 2.546.475.949 | 1.849.926.066 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | 7 | 9.812.679.606 | 7.802.353.101 |
| 2. Phải thu dài hạn khác | 216 | 8 | 70.995.872 | 90.995.872 |
| 3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | 9 | (7.337.199.529) | (6.043.422.907) |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 8.777.214.742 | 9.085.087.848 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 12 | 7.770.107.463 | 8.957.474.945 |
| - Nguyên giá | 222 | | 14.589.561.181 | 14.155.178.074 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (6.819.453.718) | (5.197.703.129) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | | 1.007.107.279 | 127.612.903 |
| - Nguyên giá | 228 | | 1.403.925.313 | 428.280.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (396.818.034) | (300.667.097) |
| III. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 1.340.663.067 | 2.432.247.830 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 13 | 1.340.663.067 | 2.432.247.830 |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 6 | 7.152.141.301 | 408.438.645 |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | 7.152.141.301 | 408.438.645 |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 18.216.619.242 | 15.719.555.216 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 11 | 18.082.541.839 | 15.719.555.216 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | 134.077.403 | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 242.054.867.312 | 353.533.775.335 |

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 33.722.173.700 | 140.213.979.809 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 32.758.891.873 | 138.694.787.080 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 14 | 22.951.249.510 | 118.481.573.769 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 2.320.961.167 | 2.376.641.614 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 15 | 31.490.966 | 1.980.471.206 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 1.891.913.474 | 1.702.559.810 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 16 | 218.421.119 | 236.843.272 |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | 258.510.486 | 128.216.143 |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 17 | 2.995.035.851 | 7.731.276.787 |
| 8. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | 18 | 380.978.100 | 3.714.349.279 |
| 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 1.710.331.200 | 2.342.855.200 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 963.281.827 | 1.519.192.729 |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 337 | 17 | 73.904.987 | 66.214.307 |
| 2. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | 18 | 889.376.840 | 1.452.978.422 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 208.332.693.612 | 213.319.795.526 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 19 | 208.332.693.612 | 213.319.795.526 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 188.700.000.000 | 188.700.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 188.700.000.000 | 188.700.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 15.480.000.000 | 15.480.000.000 |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 2.596.615.372 | 2.596.615.372 |
| 4. Quỹ khác của chủ sở hữu | 420 | | 337.031.314 | 337.031.314 |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 1.219.046.926 | 6.206.148.840 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | 1.205.236.167 | 760.477.211 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | 421b | | 13.810.759 | 5.445.671.629 |
| NGUỒN VỐN (440=300+400) | 440 | | 242.054.887.312 | 353.533.775.335 |



Văn Tuấn Anh
 Giám đốc

Đặng Thái Hà
 Kế toán trưởng

Phan Ngọc Lan
 Người lập biểu

Ngày 28 tháng 02 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

101
 02
 +NN
 31
 1E7
 0A
 121
 1
 3
 13

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | | 484.058.122.830 | 663.001.342.760 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02) | 10 | 21 | 484.058.122.830 | 663.001.342.760 |
| 4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 11 | 22 | 463.674.935.057 | 636.807.817.440 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | | 20.383.187.773 | 26.193.525.320 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 23 | 9.095.580.258 | 8.838.746.655 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | 121.770.128 | 891.000 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | 25 | 12.674.611.308 | 11.176.000.522 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 25 | 20.573.742.024 | 18.782.386.911 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26)) | 30 | | (3.891.355.429) | 5.072.993.542 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 26 | 4.122.444.448 | 2.099.440.229 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 100.065 | 19.008.606 |
| 13. Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | | 4.122.344.383 | 2.080.431.623 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | | 230.988.954 | 7.153.425.165 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | 27 | 206.695.598 | 1.573.753.536 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | (134.077.403) | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52) | 60 | | 158.370.759 | 5.579.671.629 |
| 18. Lợi nhuận sau thuế trên cổ phiếu | 70 | 28 | 1 | 217 |



Văn Tuấn Anh
 Giám đốc

Đặng Thái Hà
 Kế toán trưởng

Phan Ngọc Lan
 Người lập biểu

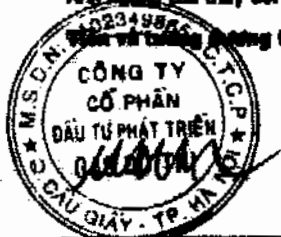
Ngày 28 tháng 02 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------|-------------------------|------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | 585.707.798.692 | 723.710.919.362 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 02 | (618.485.192.879) | (697.542.999.162) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | (14.087.377.999) | (17.030.018.996) |
| 4. Tiền chi trả lãi vay | 04 | (88.236.548) | - |
| 5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp | 05 | (689.659.099) | (1.091.862.108) |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | 1.846.155.010 | 2.618.945.811 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | (5.975.445.613) | (5.522.316.531) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (51.771.958.438) | 5.142.668.376 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | (136.636.830) | (2.236.360.894) |
| 2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | (42.591.591.658) | (103.853.913.543) |
| 3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | 40.846.488.596 | 106.238.103.284 |
| 4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 7.175.171.812 | 7.656.513.071 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 5.293.431.920 | 7.804.341.918 |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | 19.207.497.152 | - |
| 2. Tiền chi nợ gốc vay | 34 | (19.207.497.152) | - |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông | 36 | (3.729.430.870) | (7.263.815.905) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (3.729.430.870) | (7.263.815.905) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40) | 50 | (50.207.957.386) | 5.683.194.389 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 99.463.918.126 | 93.701.993.997 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | 21.789.506 | 78.729.740 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61) | 70 | 49.277.750.248 | 99.463.918.126 |



Văn Tuấn Anh
 Giám đốc

Đặng Thái Hà
 Kế toán trưởng

Phan Ngọc Lan
 Người lập biểu

Ngày 28 tháng 02 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHAI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị (gọi tắt là "Công ty") hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103019021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 8 năm 2007, thay đổi lần thứ 14 ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Vốn điều lệ của Công ty là 188.700.000.000 VND. Cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 29 tháng 12 năm 2010 với mã chứng khoán là PCG.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 97 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là: 103).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Tư vấn, thiết kế, đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt máy, thiết bị và các dịch vụ khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh gas;
- Tư vấn, lập dự án đầu tư, lắp đặt và vận hành hệ thống, thiết bị công nghệ phục vụ cung cấp, sản xuất khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dimethy ether (DME);
- Kinh doanh và vận chuyển qua mạng đường ống, xe bồn chuyên dụng, tàu hóa chuyên dụng và các loại khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dimethy ether (DME); vận chuyển bình khí bằng xe tải;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất, phụ kiện ngành khí; kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, máy xây dựng; kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng;
- Xây dựng kho bãi, trạm chiết nạp phục vụ cho hoạt động kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dimethy ether (DME);
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp; chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), khí thiên nhiên nén (CNG), khí thiên nhiên tổng hợp (SNG), khí Dimethy ether (DME);
- Môi giới thương mại;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Đào tạo lao động phục vụ ngành khí (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản: môi giới, định giá, tư vấn, đấu giá, quảng cáo, quản lý bất động sản (không bao gồm hoạt động môi giới giá đất);
- Kinh doanh thiết bị chuyển đổi từ nhiên liệu xăng, diesel sang LPG, CNG, LNG;
- Dịch vụ tư vấn, thi công, lắp đặt, cung cấp thiết bị hệ thống điều hòa không khí, điện, nước, thang máy, trang trí nội ngoại thất, thiết bị phòng cháy, chữa cháy;
- Thi công, lắp đặt, đầu tư và vận hành hệ thống thiết bị cung cấp LPG cho khu đô thị, khu công nghiệp;
- Thiết kế, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế, lắp đặt thiết bị, công nghệ hệ thống thi công khí gas công trình xây dựng;
- Giám sát thi công, xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh gas dân dụng và công nghiệp.

H/2/2016/2/9

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có một Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh - được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 4113029854 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 10 năm 2007, thay đổi lần thứ 7 ngày 29 tháng 11 năm 2012.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

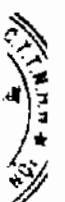
Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



H
T
A
I
1

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | <u>Năm nay</u> <u>Số năm</u> |
|----------------------|---------------------------------|
| Máy móc và thiết bị | 3 - 10 |
| Phương tiện vận tải | 6 - 15 |
| Thiết bị văn phòng | 3 - 10 |
| Tài sản cố định khác | 3 - 6 |

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Khoản trả trước tiền thuê văn phòng phản ánh chi phí thuê 508 m² văn phòng tại tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, Hà Nội. Hợp đồng thuê văn phòng được ký với thời hạn 50 năm tính từ năm 2010. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu của hợp đồng xây dựng: Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 742.285.172 | 580.117.407 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 8.145.465.074 | 11.303.800.719 |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 40.390.000.000 | 87.580.000.000 |
| | <u>49.277.750.246</u> | <u>99.463.918.126</u> |

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh số dư tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng kể từ ngày gửi.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | <u>Giá gốc</u> | <u>Giá trị ghi sổ</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Giá trị ghi sổ</u> |
| | VND | VND | VND | VND |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn | | | | |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 85.847.889.002 | 85.847.889.002 | 90.846.488.596 | 90.846.488.596 |
| | <u>85.847.889.002</u> | <u>85.847.889.002</u> | <u>90.846.488.596</u> | <u>90.846.488.596</u> |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn | | | | |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 7.152.141.301 | 7.152.141.301 | 408.438.645 | 408.438.645 |
| | <u>7.152.141.301</u> | <u>7.152.141.301</u> | <u>408.438.645</u> | <u>408.438.645</u> |

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và thời hạn thu hồi dưới 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời hạn thu hồi trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

| | <u>Số cuối năm</u> VND | <u>Số đầu năm</u> VND |
|--|---------------------------|--------------------------|
| a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | | |
| - Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Hà Nội | 11.799.730.575 | - |
| - Công ty Cổ phần Dầu khí Delta Việt Nam | 4.708.045.650 | - |
| - Công ty TNHH MTV Kinh doanh Dầu khí Việt Hải | 3.587.100.666 | 3.858.158.028 |
| - Công ty TNHH Hướng Minh | - | 6.598.358.952 |
| - Công ty TNHH MTV Gas Venus | - | 11.435.758.555 |
| - Công ty Cổ phần Nam Bạch Đằng | - | 14.848.131.177 |
| - Các khoản phải thu khách hàng khác | 30.425.292.671 | 77.223.760.668 |
| | 50.520.169.562 | 113.964.167.380 |
| b. Phải thu dài hạn của khách hàng | | |
| - Ban Quản lý Dự án Thái Hà | 2.822.493.740 | - |
| - Công ty Cổ phần Sóng Đà - Thăng Long | 3.317.359.214 | - |
| - Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khí đốt Nam Việt | 2.390.138.917 | 2.390.138.917 |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Hà Nội | 819.102.549 | 819.102.549 |
| - Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Xuân Mai | - | 4.035.416.998 |
| - Các khoản phải thu khách hàng khác | 463.585.186 | 557.694.637 |
| | 9.812.679.606 | 7.802.353.101 |

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

| | <u>Số cuối năm</u> VND | <u>Số đầu năm</u> VND |
|---------------------------|---------------------------|--------------------------|
| a. Ngắn hạn | | |
| - Lãi dự thu | 3.840.856.079 | 1.975.770.720 |
| - Tạm ứng | 1.081.117.715 | 949.219.752 |
| - Các khoản phải thu khác | 210.000.000 | 394.177.249 |
| | 5.131.973.794 | 3.319.167.721 |
| b. Dài hạn | | |
| - Kỳ cược, kỳ quỹ | 70.995.872 | 90.995.872 |
| | 70.995.872 | 90.995.872 |

9. NỢ XẤU

| Đề nghị | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|---|----------------|------------------------|-------------------|---------------|------------------------|-------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Thời gian quá hạn |
| | VND | VND | (tháng) | VND | VND | (tháng) |
| Phải thu, cho vay quá hạn | 12.712.879.372 | 3.352.264.693 | | 7.805.250.558 | 1.760.958.414 | |
| Ban quản lý Dự án Thái Hà | 2.822.493.740 | 846.748.122 | 24 | - | - | - |
| Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Xuân Mai | 2.803.388.050 | 865.016.415 | 61 | 4.035.416.998 | 1.210.625.099 | 49 |
| Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ KHĐT Nam Việt | 2.390.138.917 | - | 71 | 2.390.138.917 | - | 59 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Hà Nội | 819.102.549 | - | 46 | 819.102.549 | 245.730.765 | 34 |
| Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long | 3.317.359.214 | 1.498.992.417 | 26 | - | - | - |
| Các đề nghị khác | 480.396.902 | 141.507.739 | | 560.592.094 | 304.602.550 | |

10. HÀNG TỒN KHO

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--------------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 7.933.396.431 | - | 8.268.371.365 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 9.869.219 | - | 19.051.112 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 4.364.438.537 | - | 4.937.034.596 | - |
| Hàng hoá | 1.773.846.991 | - | 2.229.761.906 | - |
| Cộng | 14.081.551.178 | - | 15.454.218.979 | - |

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngân hàng | | |
| Công cụ dụng cụ xuất dùng | 22.995.446 | 18.681.599 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 752.177.135 | 272.045.263 |
| | 775.172.581 | 290.726.862 |
| b) Dài hạn | | |
| Tiền thuê văn phòng tại Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam | 17.960.875.332 | 15.590.788.256 |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 121.666.507 | 128.766.960 |
| | 18.082.541.839 | 15.719.555.216 |

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Máy móc và thiết bị VND | Phương tiện vận tải VND | Thiết bị văn phòng VND | Khác VND | Tổng cộng VND |
|--------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|------------------------------|----------------|------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | | |
| Số dư đầu năm | 222.458.772 | 1.494.762.818 | 96.519.090 | 12.341.437.394 | 14.155.178.074 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | - | - | - | 434.383.107 | 434.383.107 |
| Số dư cuối năm | 222.458.772 | 1.494.762.818 | 96.519.090 | 12.775.820.501 | 14.588.561.181 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | |
| Số dư đầu năm | 222.458.772 | 1.494.762.818 | 82.952.880 | 3.397.528.659 | 5.197.703.129 |
| Tích miễn hao trong năm | - | - | 11.290.000 | 1.610.460.589 | 1.621.750.589 |
| Số dư cuối năm | 222.458.772 | 1.494.762.818 | 94.242.880 | 5.007.989.248 | 6.818.453.718 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | |
| Tại ngày cuối năm | - | - | 2.276.210 | 7.767.831.253 | 7.770.107.463 |
| Tại ngày đầu năm | - | - | 13.566.210 | 8.943.908.735 | 8.957.474.945 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với số tiền là 3.939.563.674 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 3.133.439.431 VND).

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|----------------------|----------------------|
| Trạm cấp gas Phú Mỹ Hưng | 1.295.163.067 | 1.295.163.067 |
| Trạm cấp gas cho Khu đô thị Vĩnh Diễm Trung - Nhà Trang | 45.500.000 | 45.500.000 |
| Trạm gas trung tâm Dự án CT1, CT2 Ngõ Thị Nhậm - Hà Đông | - | 434.383.107 |
| Khác | - | 657.201.656 |
| | 1.340.663.067 | 2.432.247.830 |

10 / T / W / T E M Y H

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|-----------------------|------------------------|
| Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí | 16.560.377.577 | 110.703.264.923 |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam | 2.572.353.765 | 2.132.592.700 |
| Công ty Cổ phần năng lượng Gas Miền Trung | 1.364.157.696 | - |
| Các đối tượng khác | 2.454.360.472 | 5.645.716.146 |
| | 22.951.249.510 | 118.481.573.769 |
| Số nợ quá hạn chưa thanh toán | - | - |
| Phải trả người bán là các bên liên quan (được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 30) | 19.569.878.149 | 113.451.899.887 |

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| Chi tiêu | Phát sinh trong năm | | | Số cuối năm VND |
|------------------------------|----------------------|------------------------|----------------------|--------------------|
| | Số đầu năm VND | Số phải thu/nộp VND | Số đã thu/nộp VND | |
| a) Các khoản phải thu | | | | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 10.723.608 | - | 10.723.608 |
| Cộng | - | 10.723.608 | - | 10.723.608 |
| b) Các khoản phải nộp | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng | 1.503.429.779 | 397.562.133 | 1.880.101.272 | 20.890.640 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 425.081.093 | 264.578.006 | 689.659.099 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 51.960.334 | 359.374.929 | 400.734.937 | 10.600.326 |
| Thuế khác | - | 4.000.000 | 4.000.000 | - |
| Cộng | 1.880.471.206 | 1.025.515.068 | 2.974.495.308 | 31.490.966 |

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---------------------------|--------------------|--------------------|
| Trích trước chi phí dự án | - | 10.000.000 |
| Chi phí phải trả khác | 218.421.119 | 226.843.272 |
| | 218.421.119 | 236.843.272 |

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

| | <u>Số cuối năm</u> VND | <u>Số đầu năm</u> VND |
|-------------------------------|---------------------------|--------------------------|
| a) Ngân hạn | | |
| Vay mượn LPG | 4.400.148 | 5.387.672.546 |
| Phải trả cổ tức | 1.370.377.160 | 1.395.655.285 |
| Kinh phí công đoàn | 225.585.358 | 183.648.013 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 634.679.397 | 359.924.000 |
| Phải trả các tổ đội thi công | 556.485.352 | 200.999.352 |
| Các khoản khác | 203.508.436 | 203.377.591 |
| | 2.995.035.851 | 7.731.276.787 |
| b) Dài hạn | | |
| Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 73.904.987 | 66.214.307 |
| | 73.904.987 | 66.214.307 |

18. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

| | <u>Dự phòng bảo hành</u> <u>sản phẩm</u> VND |
|--------------------------------------|--|
| Số dư đầu năm | 5.167.327.701 |
| Trích lập dự phòng bổ sung trong năm | 261.968.690 |
| Hoàn nhập dự phòng | (4.116.854.921) |
| Các khoản dự phòng đã sử dụng | (42.086.530) |
| Số dư cuối năm | 1.270.354.940 |
| | Số cuối năm VND |
| Chi tiết: | |
| - Nợ ngắn hạn | 380.978.100 |
| - Nợ dài hạn | 889.376.840 |
| | 1.270.354.940 |

Dự phòng bảo hành công trình là ước tính chính xác nhất của Ban Giám đốc về khoản nợ phải trả cho thời hạn bảo hành Công ty áp dụng đối với các công trình xây dựng phát sinh lỗi phải bảo hành.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DH

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phiếu | Quỹ khác của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|-------------------------------------|---------------------------|--------------------------|----------------------------|--------------------------|--------------------------------------|------------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Số dư đầu năm trước | 188.700.000.000 | 15.480.000.000 | 337.031.314 | 2.596.615.372 | 10.317.108.736 | 217.430.755.422 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | 5.579.671.629 | 5.579.671.629 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | (1.968.087.367) | (1.968.087.367) |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | (7.548.000.000) | (7.548.000.000) |
| Thù lao Hội đồng Quản trị | - | - | - | - | (132.000.000) | (132.000.000) |
| Giảm khác | - | - | - | - | (42.544.158) | (42.544.158) |
| Số dư đầu năm nay | 188.700.000.000 | 15.480.000.000 | 337.031.314 | 2.596.615.372 | 6.206.148.840 | 213.319.795.526 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | - | 158.370.759 | 158.370.759 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i) | - | - | - | - | (1.062.000.000) | (1.062.000.000) |
| Chia cổ tức (i) | - | - | - | - | (3.774.000.000) | (3.774.000.000) |
| Thù lao Hội đồng Quản trị (i) | - | - | - | - | (144.000.000) | (144.000.000) |
| Giảm khác | - | - | - | - | (165.472.673) | (165.472.673) |
| Số dư cuối năm nay | 188.700.000.000 | 15.480.000.000 | 337.031.314 | 2.596.615.372 | 1.219.046.926 | 208.332.693.612 |

(i) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết số 01/NQ-DHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông ngày 24 tháng 6 năm 2016, trong đó chia cổ tức cho các cổ đông với số tiền 3.774.000.000 VND và trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 1.062.000.000 VND.

Ban Giám đốc Công ty quyết định trích các khoản thù lao Hội đồng Quản trị từ lợi nhuận sau thuế năm 2016 theo Nghị quyết số 01/NQ-DHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông ngày 24 tháng 6 năm 2016. Ban Giám đốc tin tưởng rằng, việc trích quỹ như trên sẽ phản ánh đúng tình hình hoạt động thực tế của Công ty.

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|--------------------|-------------------|
| Cổ phiếu | | |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | | |
| +) <i> Cổ phiếu phổ thông</i> | 18.870.000 | 18.870.000 |
| +) <i> Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu quỹ | | |
| +) <i> Cổ phiếu phổ thông</i> | - | - |
| +) <i> Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | | |
| +) <i> Cổ phiếu phổ thông</i> | 18.870.000 | 18.870.000 |
| +) <i> Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. | | |

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 ngày 30 tháng 6 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty là 188.700.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty đã được các cổ đông góp đủ. Cụ thể như sau:

| Cổ đông | Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi | | Vốn đã góp | Vốn đã góp |
|--|---|-------------|------------------------|------------------------|
| | VND | % | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
| ENN Energy | 82.820.000.000 | 43,89% | 82.820.000.000 | 82.820.000.000 |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP | 67.000.000.000 | 35,51% | 67.000.000.000 | 67.000.000.000 |
| Nguyễn Chí Dũng | 7.509.000.000 | 3,98% | 7.509.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sóng Đà | - | - | - | 7.500.000.000 |
| Các cổ đông phổ thông khác | 31.371.000.000 | 16,62% | 31.371.000.000 | 31.380.000.000 |
| | 188.700.000.000 | 100% | 188.700.000.000 | 188.700.000.000 |

1.001
CỔ
ĐÔNG
VIỆT
NAM

20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh các sản phẩm gas. Các hoạt động liên quan đến xây lắp và cung cấp dịch vụ khác cũng là để phục vụ cho việc kinh doanh các sản phẩm gas. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đều liên quan đến hoạt động kinh doanh các sản phẩm gas, xây lắp và cung cấp dịch vụ có liên quan.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào ngoài Việt Nam.

21. DOANH THU

| | Năm nay | Năm trước |
|--|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 484.058.122.830 | 663.001.342.760 |
| Doanh thu bán hàng hóa | 476.458.058.856 | 636.491.904.170 |
| Doanh thu hợp đồng xây dựng | 7.374.273.070 | 23.093.961.319 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 225.790.904 | 3.415.477.271 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | - | - |
| Giảm giá hàng bán | - | - |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 484.058.122.830 | 663.001.342.760 |

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

| | Năm nay | Năm trước |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Giá vốn hàng hóa | 457.299.771.494 | 614.632.269.531 |
| Giá vốn hoạt động xây dựng | 6.361.963.563 | 19.658.575.486 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 13.200.000 | 2.516.972.423 |
| Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 463.674.935.057 | 636.807.817.440 |

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 9.040.257.172 | 8.753.866.084 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 55.323.086 | 84.880.571 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 9.095.580.258 | 8.838.746.655 |

24. CHI PHÉ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên, vật liệu trực tiếp | 2.777.652.282 | 6.464.895.138 |
| Chi phí nhân công | 15.695.962.601 | 20.063.751.117 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 1.717.901.526 | 1.176.132.281 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 14.542.429.040 | 18.796.364.397 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố | 34.733.945.449 | 46.501.142.933 |

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí bán hàng phát sinh trong năm | | |
| - Chi phí nhân viên | 3.935.021.635 | 2.893.031.462 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 7.439.861.091 | 6.997.306.961 |
| - Chi phí khấu hao tài sản cố định | 834.213.006 | 816.796.949 |
| - Các khoản chi phí bán hàng khác | 465.515.576 | 468.865.150 |
| | 12.674.611.308 | 11.176.000.522 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm | | |
| - Chi phí nhân viên | 10.668.598.312 | 12.520.351.909 |
| - Chi phí dịch vụ mua ngoài | 5.483.509.348 | 6.062.365.197 |
| - Chi phí khấu hao tài sản cố định | 883.688.520 | 330.529.770 |
| - Chi phí/(hoàn nhập) các khoản dự phòng | 3.316.322.535 | (401.077.869) |
| - Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác | 221.623.309 | 270.217.904 |
| | 20.573.742.024 | 18.782.386.911 |

26. THU NHẬP KHÁC

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Hoàn nhập chi phí bảo hành | 4.116.854.922 | 1.976.895.223 |
| Thu nhập khác | 5.589.526 | 122.545.006 |
| | 4.122.444.448 | 2.099.440.229 |

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|--|--------------------|----------------------|
| Lợi nhuận trước thuế | 230.988.954 | 7.153.425.165 |
| Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế | | |
| Trừ: Chi phí không được khấu trừ năm 2015 đủ điều kiện khấu trừ năm 2016 theo Biên bản thanh tra thuế | (330.082.705) | - |
| Thu nhập chịu thuế | - | 7.153.425.165 |
| Thuế suất | 20% | 22% |
| Điều chỉnh theo Biên bản thanh tra thuế | 206.695.598 | - |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 206.695.598 | 1.573.753.536 |

500
 S T
 V N A
 T T
 N A I
 T P

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

| <u>Bên liên quan</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|---|-----------------------------|
| Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần | Chủ sở hữu |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc | Công ty trong cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam | Công ty trong cùng Tập đoàn |
| Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh sản phẩm khí | Công ty trong cùng Tập đoàn |
| Viện Dầu khí Việt Nam | Công ty trong cùng Tập đoàn |
| Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí | Công ty trong cùng Tập đoàn |

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|------------------------|-------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Mua hàng | 444.224.679.408 | 596.433.520.575 |
| Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh sản phẩm khí | 419.551.258.466 | 565.534.979.115 |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Miền Trung | 17.717.736.769 | 23.741.446.856 |
| Viện Dầu khí Việt Nam | 3.011.259.357 | 2.557.109.536 |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc - Chi nhánh Bắc Bộ | 1.555.652.786 | 1.284.361.318 |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Miền Đông | 849.580.909 | 1.774.998.182 |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần | 879.116.912 | 969.090.312 |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Nam Trung Bộ | 581.958.807 | 448.557.620 |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Miền Tây | 78.115.402 | 122.977.636 |

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÓ THỊ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MÃU SỐ B 09-DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> VND | <u>Số đầu năm</u> VND |
|---|---------------------------|--------------------------|
| Phải trả người bán | 19.569.878.149 | 113.451.899.887 |
| Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh sản phẩm khí | 16.560.377.577 | 110.703.264.923 |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Miền Trung | 2.572.353.765 | 2.132.592.700 |
| Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí | 221.690.486 | 221.690.486 |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc - Chi nhánh Bắc Bộ | 129.084.455 | 119.524.800 |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Nam Trung Bộ | 73.018.260 | 46.180.602 |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Miền Tây | 7.523.100 | 19.170.900 |
| Tổng Công ty khí Việt Nam - Công ty Cổ phần | 5.830.506 | 2.370.484 |
| Công ty Cổ phần kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Miền Đông | - | 178.788.000 |
| Viện Dầu khí Việt Nam | - | 28.316.992 |
| Phải trả khác | | |
| Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh sản phẩm khí | - | 5.381.875.800 |
| Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị | | |
| | <u>Năm nay</u> VND | <u>Năm trước</u> VND |
| Thu nhập của Ban Giám đốc | 1.223.405.563 | 1.664.488.770 |
| Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị | 144.000.000 | 132.000.000 |



Văn Tuấn Anh
Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2017

Đặng Thái Hà
Kế toán trưởng

Phan Ngọc Lan
Người lập biểu



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25 / TT-HĐQT-KĐT

Hà nội, ngày 10 tháng 3 năm 2017

**TỜ TRÌNH
Về việc phân phối lợi nhuận năm 2016**

Kính gửi: Hội đồng quản trị

Trên cơ sở kết quả SXKD đã đạt được năm 2016 như sau:

- Tổng doanh thu: 484.058.122.830 đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 158.370.759 đồng

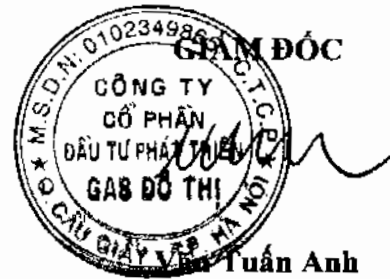
Giám đốc công ty đề xuất phân phối toàn bộ 158.370.759 đồng là Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Kính trình Hội đồng quản trị thông qua./.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- Lưu VT, ĐTH:01





Số: 22/ TT-HĐQT-KĐT

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2017

TỜ TRÌNH

Về việc quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2016 và kế hoạch chi trả năm 2017

Kính gửi: Hội đồng quản trị

- Căn cứ Luật doanh nghiệp 2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị;
- Căn cứ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 Công ty CP Đầu tư phát triển Gas Đô thị ngày 24/6/2016 ;

Công ty báo cáo kết quả thực hiện thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát kiêm nhiệm năm 2016 và trình phương án chi trả thù lao năm 2017 như sau:

I. Thực hiện năm 2016

- Thù lao Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm: 2.000.000 đồng/tháng
- Thù lao Trưởng Ban kiểm soát kiêm nhiệm: 2.000.000 đồng/tháng
- Thù lao Thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm: 1.500.000 đồng/tháng

Tổng thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát kiêm nhiệm công ty năm 2016 là: 144.000.000 đồng/năm (một trăm bốn bốn triệu đồng chẵn)

II. Kế hoạch chi trả năm 2017

Mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không chuyên trách năm 2017 đề nghị như sau:

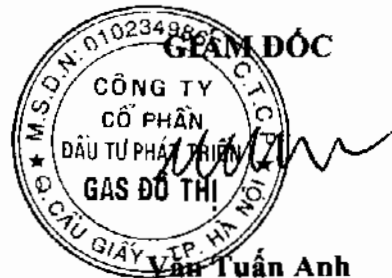
- Thành viên HĐQT không chuyên trách: 2.000.000 đồng/tháng
- Trưởng ban kiểm soát chuyên trách: bằng mức lương của phó phòng TCKT.
- KSV không chuyên trách: 1.500.000 đồng/tháng

Kính trình HĐQT thông qua để trình ĐHCĐ TN 2017 theo thẩm quyền.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- Lưu VT, TCHC.03





Số: 24 / TT-HDQT - KĐT

Hà nội, ngày 10 tháng 3 năm 2017

TỜ TRÌNH

Về việc Thông qua Quy chế bầu cử Thành viên HDQT, BKS nhiệm kỳ 2017-2022

Kính gửi: Hội đồng quản trị

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2014 số: 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa 13 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Gas đô thị;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas đô thị hiện tại gồm 05 thành viên, cụ thể như sau:

| T T | Thành viên HDQT/ | Đại diện cổ đông | Chức vụ | Ngày bắt đầu là TV HDQT | Kết thúc NK | Ghi chú |
|--------|-------------------------|---------------------|------------|-------------------------------|-------------------|---|
| 1 | Ông: Văn Tuấn Anh | PV GAS | CT | 08/5/2012 | 2017 | Hết nhiệm kỳ tại kỳ họp TN năm 2017 |
| 2 | Ông: Cheung Yipsang | ENN | TV | 08/5/2012 | 2017 | Hết nhiệm kỳ tại kỳ họp TN năm 2017 |
| 3 | Ông: Gao Zhixin | ENN | TV | 12/01/2017 | 2022 | HDQT bổ nhiệm tạm thời, trình ĐHĐCĐ TN 2017 phê chuẩn |
| 4 | Ông: Nguyễn Quyết Thắng | PV GAS | TV | 08/5/2012 | 2022 | |
| 5 | Ông: Nguyễn Chí Dũng | Thẻ nhân | TV | 09/6/2016 | 2021 | |

Ban kiểm soát Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas đô thị hiện tại gồm 03 thành viên, cụ thể như sau:

| T T | Thành viên BKS | Đại diện cổ đông | Chức vụ | Ngày bắt đầu là KSV | Kết thúc nhiệm kỳ | Ghi chú |
|--------|-----------------------|---------------------|------------|------------------------|----------------------|---------|
| 1 | Ông: Nguyễn Công Luận | PVGAS | TBKS | 08/5/2012 | 2017 | |
| 2 | Ông: Đỗ Anh Tuấn | TCT XD Hà Nội | KSV | 08/5/2012 | 2017 | |
| 3 | Bà: Yang xing Qiong | ENN | KSV | 08/5/2012 | 2017 | |

Như vậy, đến kỳ họp ĐHĐCĐ TN năm 2017 là kết thúc nhiệm kỳ của:

- Hội đồng quản trị gồm các ông:
 1. Ông: Văn Tuấn Anh
 2. Ông: Cheung Yipsang
- Ban kiểm soát gồm các ông bà:
 1. Ông: Nguyễn Công Luận
 2. Ông: Đỗ Anh Tuấn
 3. Bà: Yang xing Qiong

Vi vậy, tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2017, sẽ tiến hành bầu 02 thành viên HĐQT và 03 thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2022.

Để chuẩn bị cho nội dung trên, kính trình HĐQT thông qua Quy chế bầu cử Thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2017 - 2022 (như đính kèm) để Công ty có căn cứ thông báo cho các cổ đông ứng cử, đề cử ứng viên HĐQT và BSK nhiệm kỳ 2017 - 2022.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS;
- Lưu VT, TCHC, NTH:01.



Văn Tuấn Anh

DỰ THẢO QUY CHẾ BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2017-2022
(đính kèm tờ trình số **TT/HDQT-KĐT** ngày **10 tháng 3 năm 2017**)

Điều 1. Đối tượng thực hiện bầu cử

- Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội.

Điều 2. Tiêu chuẩn ứng viên tham gia HDQT:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014;
- Có trình độ từ đại học trở lên, có trình độ chuyên môn, có năng lực kinh doanh và kinh nghiệm quản lý doanh nghiệp, am hiểu về lĩnh vực hoạt động của Công ty;
- Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật;
- Không giới hạn về tuổi của người tham gia ứng cử hoặc được đề cử;
- Không thuộc đối tượng bị hạn chế theo Điều 151 Luật Doanh nghiệp năm 2014.

Điều 3. Tiêu chuẩn ứng viên tham BKS:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014;
- Có trình độ từ đại học trở lên, có trình độ chuyên môn hoặc hiểu biết về Tài chính kế toán.
- Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật.
- Không thuộc đối tượng quy định hạn chế theo Điều 164 Luật Doanh nghiệp năm 2014.

Điều 4. Ứng cử/đề cử thành viên HDQT và BKS nhiệm kỳ 2017-2022:

4.1. Ứng cử/đề cử thành viên HDQT:

- Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một ứng viên; từ 10% đến dưới 25% được đề cử hai ứng viên; từ 25% đến dưới 40% được đề cử ba ứng viên; từ 40% đến dưới 55% được đề cử bốn ứng viên; từ 55% đến dưới 70% được đề cử năm ứng viên; từ 70% đến dưới 85% được đề cử sáu ứng viên và nếu từ 85% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
- Trong trường hợp số lượng ứng cử, đề cử không đủ số lượng cần thiết, HDQT đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên vào HDQT.

4.2. Ứng cử/đề cử thành viên BKS :

- Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một ứng viên; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên
- Trong trường hợp số lượng ứng cử, đề cử không đủ số lượng cần thiết, HĐQT Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên vào BKS.

4.3. Số lượng thành viên HĐQT và BKS được bầu.

- Số lượng thành viên HĐQT được bầu là 02 thành viên. Số lượng KSV được bầu là 03 thành viên.

Điều 5. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu,

5.1. Danh sách ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát:

- Được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

5.2. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu.

- Phiếu bầu được in thống nhất, có tổng số quyền biểu quyết theo mã số tham dự;
- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát đồng thời phiếu bầu Hội đồng quản trị và phiếu bầu Ban Kiểm soát theo mã số tham dự (*sở hữu và được ủy quyền*);
- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác và phải nộp lại phiếu cũ.
- Cổ đông phải tự mình ghi số quyền biểu quyết bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống của ứng cử viên đó trên phiếu bầu. Trong trường hợp ủy quyền hợp lệ (*có giấy ủy quyền*), người được ủy quyền có đầy đủ quyền biểu quyết.
- **Phiếu bầu hợp lệ:** Là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do Ban bầu cử phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu.
- **Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ**
 - Phiếu không theo mẫu quy định của Công ty, không có dấu của Công ty;
 - Gạch tên các ứng viên;
 - Phiếu gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
 - Phiếu có tổng số quyền biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền biểu quyết của cổ đông đó sở hữu/được ủy quyền.

Điều 6. Phương thức bầu cử:

- Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu đôn phiếu;

- Mỗi cổ đông có tổng số quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
- Cổ đông có thể dồn hết tổng số quyền biểu quyết cho một hoặc một số ứng cử viên.

Theo hướng dẫn như sau:

Giả sử Đại hội đồng cổ đông biểu quyết chọn 5 thành viên HĐQT trong tổng số 6 ứng viên.

Cổ đông Nguyễn Văn A nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) 100.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó tổng số quyền biểu quyết của cổ đông Nguyễn Văn A là:

$$(100.000 \times 5) = 500.000 \text{ quyền biểu quyết}$$

Cổ đông Nguyễn Văn A có thể bầu dồn phiếu theo phương thức sau:

- Dồn hết 500.000 quyền biểu quyết của mình cho 01 ứng cử viên thành viên HĐQT.
- Chia đều 500.000 quyền biểu quyết cho 05 ứng cử viên thành viên HĐQT (tương đương mỗi ứng cử viên nhận được 100.000 quyền biểu quyết của cổ đông Nguyễn Văn A).
- Dồn 500.000 quyền biểu quyết của mình cho một số ứng cử viên thành viên HĐQT bằng cách chia nhỏ 500.000 quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên. Cổ đông Nguyễn Văn A có thể dồn 500.000 quyền biểu quyết của mình cho 5 ứng cử viên theo những tỷ lệ quyền biểu quyết khác nhau nhưng tổng số quyền biểu quyết cho những ứng cử viên đó không vượt quá 500.000 quyền biểu quyết.

Điều 7. Ban Kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

7.1. Ban Kiểm phiếu

- Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:
 - + Thông qua Quy chế bầu cử;
 - + Giới thiệu phiếu và phát phiếu bầu;
 - + Tiến hành kiểm phiếu;
 - + Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.
- Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT, BKS;

7.2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

- Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;
- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;

- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trường Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội cùng với Chủ tọa đoàn giải quyết thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).

Điều 8. Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT, BKS

- Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu cao nhất tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên đạt tỷ lệ % số cổ phần bầu cao nhất cho đến khi đủ số 02 thành viên HĐQT và 03 kiểm soát viên. Tuy nhiên, tỷ lệ này phải đạt tối thiểu 51% tổng số cổ phần tham dự tại Đại hội cổ đông.
- Trường hợp có những ứng cử viên đạt tỷ lệ % số cổ đông tín nhiệm ngang nhau mà cần phải loại bớt để đạt đủ số thành viên trúng cử theo quy định thì sẽ tổ chức để bầu lại giữa các ứng cử viên này để chọn người có số phiếu cao hơn.
- Trường hợp bầu cử không đạt đủ 02 thành viên đối với HĐQT và 3 thành viên đối với BKS:
 - Đại hội sẽ tiếp tục bầu lại cho đến khi đủ số thành viên;
 - Nếu việc bầu lại vẫn chưa đạt được kết quả, ĐHCĐ có thể biểu quyết để khuyết thành viên HĐQT, BKS và bầu bổ sung trong kỳ họp ĐHCĐ tiếp theo hoặc ủy quyền cho HĐQT bầu bổ sung và báo cáo ĐHCĐ trong phiên họp gần nhất.

Điều 9. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào HĐQT và BKS

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào HĐQT và KS bao gồm:

- Đơn xin ứng cử hoặc đề cử tham gia HĐQT hoặc BKS (theo mẫu);
 - Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu);
 - Bản sao có chứng thực CMND (hoặc hộ chiếu) và các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn.
 - 01 ảnh hồ sơ (4x6).
- Hồ sơ ứng cử, đề cử xin quý vị gửi về Phòng TCIC, Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Gas đô thị, tầng 4 - 167 Trung Kính - Cầu Giấy - Hà nội trước 16h ngày 16 /4 /2017 để tổng hợp danh sách.

Điều 10. Lựa chọn các ứng cử viên

- Dựa trên các Đơn ứng cử, đề cử của các cổ đông và hồ sơ kèm theo của các ứng cử viên, Ban Tổ chức ĐHCĐ thường niên 2017 sẽ lựa chọn 2-3 ứng cử viên để bầu vào HĐQT và 3-4 ứng cử viên để bầu vào BKS với nguyên tắc lấy theo số cổ phần đề cử từ cao xuống thấp và đảm bảo đủ các tiêu chuẩn cho chức danh theo đúng quy định trong Điều lệ công ty và của Luật Doanh nghiệp 2014. Danh sách ứng cử/đề cử vào HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2017 – 2022 sẽ được công bố trên website của công ty: www.pvgascity.com.vn từ ngày 01/4/2017.

Điều 11. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

- Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỉ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống; số và tỉ lệ quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên vào HĐQT và BKS;
- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.
- Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông.

Điều 12. Hiệu lực thi hành:

- Quy chế bầu cử này đã được công bố công khai trước Đại hội đồng cổ đông và lấy ý kiến biểu quyết của toàn thể cổ đông trước khi tiến hành bầu cử.
- Nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỷ lệ quá bán, Quy chế này sẽ có hiệu lực thi hành bắt buộc đối với tất cả các cổ đông.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29 / TT-HDQT- KĐT

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2017

**TỜ TRÌNH
Về việc sửa đổi Điều lệ**

Kính gửi: Hội đồng quản trị

Điều lệ hiện hành Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Gas Đô thị thông qua tại ĐHĐCĐ TN 2016 ngày 24/6/2016 được sửa đổi bổ sung theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014.

Trong quá trình áp dụng vào thực tiễn và qua rà soát lại Điều lệ đã ban hành đã phát sinh một số vấn đề không phù hợp. Vì vậy, Công ty đã rà soát và đề nghị sửa đổi bổ sung một số nội dung tại Điều lệ hiện hành như sau:

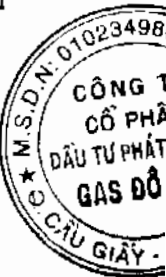
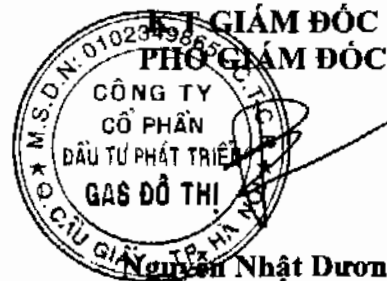
Chi tiết như bản đính kèm

Kính trình Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt để Ban Giám đốc có căn cứ trình ĐHĐCĐ thông qua theo thẩm quyền.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HDQT; BKS;
- Lưu VT, NTH:01



Nguyễn Nhật Dương

NỘI DUNG SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

(đính kèm tờ trình số: 29 / TTrHDQT-KĐT ngày 01 tháng 3 năm 2017)

| STT | Nội dung Điều lệ hiện hành (24/6/2016) | Đề nghị sửa đổi | Lý do |
|-----|--|---|--|
| 1 | Khoản 2, Điều 14: Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau: | Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau : | Tránh hiểu lầm với việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản |
| 2 | Điểm b, khoản 2 điều 15 : Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông, đóng dấu của tổ chức và có chữ ký người được ủy quyền dự họp, Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần, phần vốn góp tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền; | Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông, đóng dấu của tổ chức và có chữ ký người được ủy quyền dự họp, Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần, phần vốn góp tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền; | Cho câu đủ nghĩa |
| 3 | Điều 25: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị Điểm f, khoản 3, Điều 25 “Không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu của Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ”. | Đề nghị bỏ | Quy định tại khoản 1 Điều 151 LDN 2014 chỉ áp dụng đối với công ty con mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ. |
| 4 | Điều 29: Hợp đồng giao dịch với Công ty với “Người có liên quan”: | Điều 29: Hợp đồng, giao dịch với người có liên quan phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận. | Cho rõ nghĩa của câu |